

Số: **3736/CHHVN-VTDVHH**

Hà Nội, ngày **26** tháng **9** năm 2018

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng 9
năm 2018

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 9 năm 2018 như sau:

1. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 9 năm 2018 (chi tiết tại biểu mẫu số 28-T phụ lục I gửi kèm), cụ thể:

1.1. Thực hiện khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 08 tháng đầu năm 2018 đạt **342.840.000** tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng) tăng **18%** so với cùng kỳ năm 2017, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt **92.943.000** tấn, tăng **15%** với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nhập khẩu đạt **111.488.000** tấn, tăng **15%** so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nội địa đạt **137.901.000** tấn, tăng **22%** so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ **508.000** tấn.

Trong đó, thực hiện khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển 08 tháng đầu năm 2018 là: **11.848.000** TEUs, tăng **27%** so với năm 2017, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt **4.002.000** TEUs, tăng **9%** so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nhập khẩu đạt **4.011.000** TEUs, tăng **10%** so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nội địa đạt **3.835.000** TEUs, tăng **87%** so với cùng kỳ năm 2017.

Nhận xét:

- Đối với khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong 8 tháng đầu năm 2018 tăng **17%** so với cùng kỳ năm 2017. Các khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua tăng cao nhất so với cả nước là: Hà Tĩnh tăng **97%** (từ **8.858.552** tấn đến **17.446.995** tấn) chủ yếu là lượng khô, tổng hợp (hàng than,

quặng) nhập khẩu phục vụ cho nhà máy Formosa đã bắt đầu đi vào hoạt động qua cảng Sơn Dương (Vũng Áng) tăng cao; Quảng Nam tăng 83,5% (từ 937.760 tấn đến 1.720.976 tấn) chủ yếu là lượng hàng khô, tổng hợp (máy móc thiết bị phục vụ cho việc xây dựng khu công nghiệp Chu Lai); Nghệ An tăng 81% (từ 3.570.012 tấn đến 6.459.720 tấn) do hiện tại khu vực có Công ty cổ phần xi măng Sông Lam đi vào hoạt động có lượng hàng nhập khẩu chủ yếu là Thạch cao, than, lượng hàng xuất khẩu là Clinker và Xi măng tại bến cảng Vissai tăng cao. Ngoài ra, một số cảng tại khu vực khác như Bình Thuận, Mỹ Tho có khối lượng hàng hóa thông qua tăng từ 40% đến 46%, khu vực có lượng hàng thông qua tương đối lớn so với cả nước như Quảng Ninh cũng tăng 34% so với cùng kỳ năm 2017. Tuy nhiên, một số khu vực Cảng vụ hàng hải có khối lượng hàng hóa thông qua giảm mạnh như khu vực Kiên Giang và Quảng Trị giảm từ 32% đến 67% so với cùng kỳ năm trước do năm 2018 khu vực Kiên Giang không có khối lượng cát được lạo vét luồng ở Quân Cảng như năm 2017. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng tại khu vực đạt khối lượng lớn nhất là Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vũng Tàu đạt (từ 51,98 triệu tấn đến 73,53 triệu tấn).

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng tăng nhanh trong 8 tháng đầu năm 2018, khu vực Quảng Ninh tăng 161% (từ 42.679 Tucs đến 111.361 Tucs) do bến cảng CICT khu vực Cảng Cái Lân mở thử nghiệm từ tháng 6 năm 2017 tuyến container quốc tế và ngày càng hoạt động hiệu quả, một số khác như khu vực Nghệ An tăng 85,4% (từ 32,8 nghìn tấn đến 60,8 nghìn tấn), Mỹ Tho tăng 82%. Khu vực Đà Nẵng có lượng hàng container giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2017.

1.2. Ước Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 9 năm 2018 đạt 42.855.000 tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng) tăng 18% so với cùng kỳ năm 2017, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 11.618.000 tấn, tăng 14% với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nhập khẩu đạt 13.936.000 tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nội địa đạt 17.238.000 tấn, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ đạt 64.000 tấn.

Trong đó: Ước Khối lượng hàng container thông qua cảng biển tháng 9 năm 2018 là 1.481.000 TEUs, tăng 30% so với năm 2017, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt 500.000 TEUs, tăng 14 % so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nhập khẩu đạt 501.000 TEUs, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nội địa đạt 479.000 TEUs, tăng 95% so với cùng kỳ năm 2017.

1.3. Ước tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển 9 tháng năm 2018 là: **385695.000** tấn, tăng **18%** so với cùng kỳ năm 2017.

- Hàng xuất khẩu đạt **104.561.000** tấn, tăng **14%** với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nhập khẩu đạt **125.424.000** tấn, tăng **14%** so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nội địa đạt **155.139.000** tấn, tăng **23%** so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng quá cảnh bốc dỡ đạt **572.000** tấn.

Trong đó: Ước hàng container thông qua cảng biển 9 tháng năm 2018 là: **13.329.000** TEUs, tăng **27%** so với năm 2017, trong đó:

- Hàng xuất khẩu đạt **4.502.000** TEUs, tăng **9%** so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nhập khẩu đạt **4.512.000** TEUs, tăng **10%** so với cùng kỳ năm 2017.
- Hàng nội địa đạt **4.314.000** TEUs, tăng **88%** so với cùng kỳ năm 2017.

2. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua các cảng do Vinalines Quản lý tháng 08 năm 2018 (chi tiết tại phụ lục II gửi kèm).

2.1. Lượt tàu biển thông qua 08 tháng năm 2018, cụ thể như sau:

- Lượt tàu ngoại thông qua đạt **39.484** lượt tăng **20%** so với cùng kỳ năm 2017.
- Lượt tàu nội thông qua đạt **42.512** lượt tăng **3%** so với cùng kỳ năm 2017

Trong đó:

- + Tàu xuất nhập cảnh đạt **5.372** lượt tăng **15%** so với cùng kỳ năm 2017.
- + Tàu chạy tuyến nội địa đạt **37.140** lượt tăng **2%** so với cùng kỳ năm 2017.

2.2. Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa 08 tháng năm 2018, cụ thể như sau:

- Lượt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt **192.328** lượt tăng **21%** so với cùng kỳ năm 2017.

Trong đó: Lượt tàu thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt **18.474** lượt tăng **21%** so với năm 2017 và chiếm **9,6%** tổng lượt tàu thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

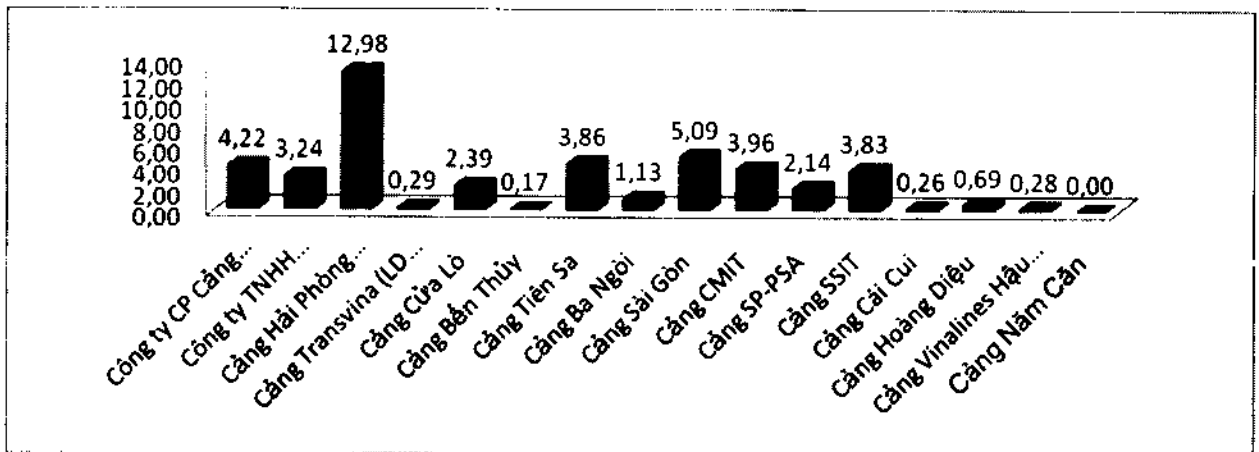
2.3. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 08 tháng năm 2018 (không bao gồm hàng quá cảnh không bốc dỡ), như sau:

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt **232.500.628** tấn tăng **14%** so với cùng kỳ năm 2017.

- Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt **109.827.656** tấn tăng **25%** so với cùng kỳ năm 2017.

Trong đó: Khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện VR-SB đạt **21.839.522** tấn tăng **77%** so với năm 2017 và chiếm **19,9%** tổng khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa.

2.4. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua các cảng do Vinalines Quản lý 08 tháng năm 2018 phụ lục II, cụ thể như sau:



Biểu đồ. Khối lượng hàng hóa thông qua các cảng do Vinalines quản lý

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển đạt **45,091** triệu tấn giảm **2%** so với cùng kỳ năm 2017, chiếm **13%** tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển của cả nước, trong đó:

+ Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt **12,978** triệu tấn chiếm **29%**, thứ 2 là cảng Sài Gòn đạt **5,085** triệu tấn chiếm **11%** so với tổng khối lượng hàng hóa do Vinalines quản lý.

+ Các cảng có khối lượng hàng hóa thông qua nhỏ nhất đạt từ **0,008** triệu tấn đến **0,174** triệu tấn là cảng Năm Căn, cảng Bến Thủy.

+ Tăng cao nhất là cảng Vinalines Hậu Giang là **919%**, SSIT là **39%**, giảm nhiều nhất là cảng Cái Cui **50%**.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Các PCT (để b/c);
- Các phòng tham mưu;
- Văn phòng Cục (để đăng website);
- Các Chi cục hàng hải;
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Lưu VT, VTDVHH.



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Bùi Thiên Thu

Phụ lục I

Biểu số 28-T

Ngày báo cáo: 15/9/2018

Đơn vị báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ GTVT (Vụ VT)

**THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN
Tháng 9/2018**

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
	Tổng số	1000 tấn	472.426	342.840	42.855	385.695	327.138	118%	82%
	Hàng xuất khẩu	1000 tấn		92.943	11.618	104.561	91.397		
	Hàng nhập khẩu	1000 tấn		111.488	13.936	125.424	109.755		
	Hàng nội địa	1000 tấn		137.901	17.238	155.139	125.742		
	Hàng quá cảnh	1000 tấn		508	64	572	244		
	Chia ra								
1	Container	1000 tấn	177.300	118.393	14.799	133.192	120.583	110%	
		1000 Teus	15.362	11.848	1.481	13.329	10.508	127%	87%
	Xuất khẩu	1000 Tấn		40.542	5.068	45.610	40.755		
		1000 Teus		4.002	500	4.502	4.115		
	Nhập khẩu	1000 Tấn		48.541	6.068	54.609	48.570		
		1000 Teus		4.011	501	4.512	4.100		
	Nội địa	1000 Tấn		29.310	3.664	32.974	31.258		
		1000 Teus		3.835	479	4.314	2.293		
2	Hàng lỏng	1000 tấn	67.038	47.777	5.972	53.749	47.319	114%	80%
	Xuất khẩu	1000 tấn		3.248	406	3.654	5.360		
	Nhập khẩu	1000 tấn		14.494	1.812	16.306	14.940		
	Nội địa	1000 tấn		30.035	3.754	33.789	27.019		
3	Hàng khô	1000 tấn	228.088	176.162	22.020	198.182	158.992	125%	87%
	Xuất khẩu	1000 tấn		49.153	6.144	55.297	45.282		
	Nhập khẩu	1000 tấn		48.453	6.057	54.510	46.245		
	Nội địa	1000 tấn		78.556	9.820	88.376	67.465		
4	Hàng quá cảnh	1000 tấn	83.222	50.698	6.337	57.035	57.116	100%	69%

Ghi chú: Hàng quá cảnh thông qua không bao gồm cả hàng quá cảnh không bốc dỡ

PHỤ LỤC IV
BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 8 NĂM 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7
I. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua cảng							
1.1. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua							
1.1.1. Tổng số lượt tàu biển							
1.1.1.1. Tàu ngoại							
1.1.1.2. Tàu nội							
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh						
	+ Tàu chạy tuyến nội địa						
1.1.2. Hàng hóa thông qua cảng							
Trong đó	+ Xuất khẩu						
	+ Nhập khẩu						
	+ Nội địa						
	+ Quá cảnh bốc dỡ						
	+ container						
	+ container						
	+ Hàng lỏng						
	+ Hàng kho						
	+ Xuất khẩu						
	+ Nhập khẩu						

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7
1.2. Sản lượng hàng hóa và số lượt phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua							
1.2.1. Tổng số PTTND							
	Lượt	26.314	21.804	121%	192.328	159.018	121%
Trong đó tổng số PTTND đăng ký SB	Lượt	3.177	2.336	136%	18.474	15.321	121%
1.2.2. Tổng số tấn PTTND							
Trong đó tổng số PTTND SB vận tải ven	tấn	15.565.493	11.088.867	140%	109.827.656	87.689.247	125%
	tấn	3.512.829	1.898.286	185%	21.839.522	12.373.147	177%
1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển							
Tổng hàng hóa thông qua cảng							
	tấn	45.437.177	37.850.436	120%	342.328.284	290.858.017	118%
Trong đó	tấn	29.871.684	26.761.569	112%	232.500.628	203.168.770	114%
Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn	15.565.493	11.088.867	140%	109.827.656	87.689.247	125%
II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý							
	Triệu tấn	5,556	6,630	84%	45,091	46,150	98%
Công ty CP Cảng Quảng Ninh	Triệu tấn	0,421	0,452	93%	4,220	3,753	112%
Công ty TNHH container Quốc tế Quảng Ninh	Triệu tấn	0,358	0,339	106%	3,240	3,161	102%
Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)	Triệu tấn	1,823	1,705	107%	12,978	13,859	94%
Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)	Triệu tấn	0,071	0,052	137%	0,291	0,426	68%
Cảng Cửa Lò	Triệu tấn	0,327	0,544	60%	2,388	2,94	81%



Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7
Cảng Bến Thủy	Triệu tấn	0,013	0,044	30%	0,174	0,23	76%
Cảng Tiên Sa	Triệu tấn	0,575	0,588	98%	4,434	4,42	100%
Cảng Ba Ngòi	Triệu tấn	0,12	0,15	80%	1,132	0,88	129%
Cảng Sài Gòn	Triệu tấn	0,6	0,889	67%	5,085	6,72	76%
Cảng CMT	Triệu tấn	0,51	0,41	124%	3,96	3,56	111%
Cảng SP-PSA	Triệu tấn	0,28	0,3	93%	2,14	2,06	104%
Cảng SSIT	Triệu tấn	0,33	0,36	92%	3,83	2,75	139%
Cảng Cái Cui	Triệu tấn	0,031	0,670	5%	0,255	0,509	50%
Cảng Hoàng Diệu	Triệu tấn	0,069	0,100	69%	0,688	0,855	80%
Cảng Vinalines Hậu Giang	Triệu tấn	0,028	0,027	104%	0,275	0,027	1019%
Cảng Năm Căn	Triệu tấn	0,0003	0	0%	0,0008	0	100%
III. Hàng hóa quá cảnh							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảnh	Tấn	6.611.160	6.776.051	98%	50.698.453	50.936.487	100%